**TUẦN 28**

Ngày soạn: 03/04/2021 Ngày giảng: Thứ 2/05/04/2021

**Tiếng việt**

**CHỦ ĐỀ 6. THIÊN NHIÊN KÌ THÚ**

**BÀI 291 + 292 + 293 + 294: LOÀI CHIM CỦA BIỂN CẢ (4 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Phát triển kĩ năng đọc**: thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một VB thông tin đơn giản và ngắn; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2. Phát triển kĩ năng viết**: thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.

**3. Phát triển kĩ năng nói và nghe**: thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung**: tình yêu đối với động vật và thiên nhiên nói chung, ý thức bảo vệ thiên nhiên; khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm

vai, thực hành, suy ngẫm.

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**:

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm VB thông tin (không có yếu tố hư cấu, có mục đích chính là cung cấp thông tin) và nội dung của VB *Loài chim của biển cả.*

- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (sả/ *cánh, đại dương, màng, dập dềnh, bão)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2. Kiến thức đời sống**

- GV nắm được những kiến thức thực tế về chim hải âu. Hải âu chủ yếu sống trên mặt biển, bay trên mặt biển và nghỉ ngơi cũng trên mặt biển. Loài chim này có sải cánh dài tới 4 - 4,5 m. Sải cánh dài nhưng nhỏ và hẹp khiến chúng bay rất tài. Hải âu thường bay theo tàu biển để kiếm thức ăn. Guồng quay của con tàu làm bắn cá lên, hải âu kiếm cá ở đó. Những người lái tàu coi hải âu là điềm lành nên cũng thường lấy cá cho hải âu ăn. Do vậy, hải âu được xem là bạn của những người đi biển.

- GV có thể thu thập thêm thông tin về hải âu trong *Từ điển tranh về các con vật* của Lê Quang Long hoặc trên Internet.

**3. Phương tiện dạy học**

- Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh. Có thể SƯU tầm thêm những tranh đẹp về chim hải âu. Chuẩn bị tranh minh hoạ (chân vịt có màng) để giải thích nghĩa của từ màng.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và Khởi động:**  **Ôn :** Các em vừa học xong chủ điểm có tên là gì? Hãy nêu tên chủ điểm đó?  + Trong chủ điểm bài học từ cuộc sống bài nào dạy em không được nói dối? vì sao?  + Chủ điểm bài học từ cuộc sống gồm mấy bài?  **Khởi động:**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời câu hỏi.  **Quan sát tranh SHS:**  **+** Trong tranh gồm có mấy loài vật?  + Hãy nêu điểm khác nhau của chim và cá?  + Trong thế giới tự nhiên có một loài chim vừa sống trên cạn cả dưới nước có đặc điểm biết bay và bơi đó là loài chim nào?  - GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài đọc Loài chim của biển cả. (VD: *Nhìn chung, loài cá biết bơi thì không biết bay, còn loài chim biết bay thì không biết bơi. Nhưng có một loài chim rất đặc biệt: vừa biết bay vừa biết bơi. Mà đặc biệt hơn là ở chỗ loài chim này vừa bay giỏi, vừa bơi tài. Đó là chim hải âu.)*  **2. Đọc**  **- GV đọc mẫu toàn VB.**  - GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có vần mới khó: *(oai, iên, iêt.....)*  + GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới khó trong bài:  + GV đưa những từ ngữ này lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu lần lượt từng vần và từ ngữ chứa vần đó, HS đọc theo đồng thanh.  ****- Đọc câu:****  + GV yêu cầu HS đọc từng câu nối  tiếp lần 1.  + GV hướng dẫn HS đọc những câu dài:  *Hải âu còn bơi rất giỏi/ nhờ chân của chúng có màng/, như chân vịt//.*  + GV yêu cầu HS đọc nối tiếp câu lần 2  ****- Đọc đoạn:****  + GV chia VB thành các đoạn  Đoạn 1: từ đầu đến *có màng như chân vịt,*  Đoạn 2: phần còn lại.  + Yêu cầu học sinh đọc đoạn nối tiếp.  - GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài:  *sải cánh:* độ dài của cánh.  *đại dương:* biển lớn.  *dập dềnh:* chuyển động lên xuống nhịp nhàng trên mặt nước  *bão:* thời tiết bất thường, có gió mạnh và mưa lớn. Có thể giải thích thêm nghĩa của từ *chúng* trong văn bản: *chúng* được dùng để thay cho *hải âu.* Riêng từ *màng* (phẩn da nối các ngón chân với nhau), GV nên sử dụng tranh minh hoạ (có thể dùng tranh về chân con vịt) để giải thích.)  + GV yêu cầu HS đọc đoạn theo nhóm.  ****- Đọc toàn VB:****  + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời cầu hỏi. | + Bài học từ cuộc sống  + Chú bé chăn cừu, đùa vui đúng lúc đúng chỗ, đúng hoàn cảnh  + **5**  - Một số (2 - 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác (Chủ yếu nhấn vào ý chim biết bay, cá biết bơi).  + 2.  + Chim bay trên bầu trời, cá sống ở dưới nước  + Hải âu    + HS nhắc lại đồng thanh tên bài.  - HS lắng nghe và đọc thầm toàn VB theo GV.  + HS đọc từ khó. Cá nhân, cả lớp.  + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong bài: *loài, biển, thời tiết,......*  + HS luyện đọc theo hướng dẫn: 2 - 3 HS đánh vần, đọc trơn, sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  **Đọc câu**  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1.    Nghe GV đọc và đánh dấu ngắt hơi và nghỉ hơi.  + HS đọc câu dài. **Cá nhân – cả lớp**.  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2.    **Đọc đoạn.**  Chia đoạn.  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt.  + Nghe GV giải thích và kết hợp hình ảnh minh họa.  + HS đọc đoạn theo nhóm.  + 1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Trả lời câu hỏi**  **-** GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.  + Đọc thầm đoạn 1 và TLCH:  a. Hải âu có thể bay xa như thế nào?  b. Ngoài bay xa, hải ấu còn có khả năng gì?  + Đọc thầm đoạn 2 và trả lời câu hỏi.  c. Vì sao hải âu được gọi là loài chim  báo bão?  **-** GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần).  ****4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a và b ở mục 3.****  - GV nêu lại câu hỏi: Hải âu có thể bay xa như thế nào? Ngoài bay xa, hải âu còn có khả năng gì?  - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi a và b (có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở  + Trong câu: “Hải âu có thể bay xa như thế nào? Ngoài bay xa, hải âu còn có khả năng gì? có chữ nào cần viết hoa ?   - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.  + GV viết mẫu chữ hoa **V** ( Viết mẫu cả hai kiểu chữ hoa và chữ in hoa)  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi.  + Đọc thầm và thảo luận.  a. Hải âu có thể bay qua những đại dương mênh mông;  b. Ngoài bay xa, hải âu còn bơi rất giỏi;  + Đọc thầm và thảo luận.  c. Khi trời sắp có bão, hải âu bay thành  đàn tìm chỗ trú ẩn  - Đại diện một số nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.    **HS đọc yêu cầu bài tập và đọc lại câu hỏi.**  + Lắng nghe.  + HS nhắc lại.  + HS nêu: Chữ **H** và chữ **N** cần viết hoa.  - HS viết câu trả lời vào vở.  **a, Hải âu có Όể bay vưĜ cả đạị dưΩg mênh mŪg**  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  **b, Ngφài bay xa, hải âu còn bΠ ǟất giĈ**  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  + HS theo dõi. |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**  đại dương bay xa thời tiết  bão đi biển  a. ít có loài chim nào có thể (…..) như hải âu.  b. Những con tàu lớn có thể đi qua các (…….)  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để  chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả.  - GV và HS thống nhất các câu hoàn chỉnh.  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**.  - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.  - GV có thể khai thác thêm ý (dành cho đối tượng HS có khả năng tiếp thu tốt): sức mạnh sáng tạo của con người thật to lớn, nhưng sự kì thú, nhiệm màu của thiên nhiên cũng rất đáng nâng niu, giữ gìn, trân trọng.  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh - HS hoạt động theo nhóm, quan sát tranh và trả lời câu hỏi.  - GV và HS nhận xét. | **HS đọc yêu cầu bài.**  + Đọc từ, và câu cần hoàn thiện.  - HS làm việc theo cặp cùng thảo luận chọn từ ngữ cần điền vào câu.  - Đại diện một số nhóm lên trình bày:  - Cá nhân học sinh viết câu vào vở chính tả.  **a, Ít có lφài chim nào có Όể bay xa như hải âu.**  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  **b, Những cΪ tàu lớn có Όể đi qua các đại dưΩg.**  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  **HS đọc yêu cầu bài.**    hải âu máy bay bay cánh |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7. Nghe viết**.  - GV đọc to cả đoạn văn:  *Hải âu là loài chim của biển cả. Chúng có sải cánh lớn, nên bay rất xa. Chúng còn bơi rất giỏi nhờ chân có màng như chân vịt.*  - Đoạn văn có mấy câu? Chữ đầu câu viết như thế nào? Cuối câu có dấu gì?  - GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.  **Chúng có sải cánh lớn, nên bay**  + Viết lùi vào đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả: *loài, lớn.*  - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cẩm bút đúng cách.  - Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ :  *Hải âu/ là loài chim của biển cả./ Chúng có sải cánh lớn,/ nên bay rất xa./ Chúng còn bơi rất giỏi/ nhờ chấn có màng/ như chấn vịt.*  *-*  Mỗi cụm từ đọc 2-3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.  + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  **8. Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông**  a. *ân* hay *uân?*  đôi ch g gũi h luyện  b. *im* hay *iêm?*  lim d quý h trái t  - GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.  - GV nêu nhiệm vụ. HS làm việc nhóm đôi để tìm những vần phù hợp.  **9. Trao đổi: *cần làm gì để bảo vệ các loài chim?***  - Đây là phần luyện nói tự do. GV có thể cho HS làm việc nhóm, sau đó gọi đại diện một vài nhóm trả lời.  - Lưu ý một số chi tiết: Không được bắn chim, bắt chim, phá tổ chim,...  **10. Củng cố**.  - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.  GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS | - HS đọc đoạn viết  - Đoạn văn có 3 câu, chữ đầu câu phải viết hoa, cuối câu có dấu chấm câu.  **Hải âu là lφài chim của biển cả.**  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  **ǟất xa. Chúng cŜ bΠ ǟất giĈ nhờ**  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  **chân có màng như chân vịt.**    + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.  **+ Hs đọc yêu cầu bài.**    - Một số (2 - 3) HS lên trình bày kết quả trước lớp (có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng).  - Một số HS đọc to các từ ngữ. Sau đó, cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  a. *ân* hay *uân?*  đôi ch**ân** g**ần** gũi h**uấn** luyện  b. *im* hay *iêm?*  lim d**im** quý h**iếm** trái t**im**  **HS đọc yêu cầu bài và trao đổi luyện nói để tăng khả năng ngôn ngữ tốt hơn.**    - HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tiếng việt**

**CHỦ ĐỀ 6. THIÊN NHIÊN KÌ THÚ**

**BÀI 295: BẢY SẮC CẦU VỒNG**

**TIẾT 1**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một bài thơ; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ; nhận biết một số tiếng cùng vần với nhau, củng cố kiến thức về vẩn; thuộc lòng một khổ thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vẩn và hình ảnh thơ; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2. Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**3. Phát triển phẩm chất và năng lực chung**: yêu quý vẻ đẹp và sự kì thú của thiên nhiên; khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm

vai, thực hành, suy ngẫm.

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**:

**1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm vần, nhịp và nội dung của bài thơ *Bảy sắc cầu vồng-,* nghĩa của các từ ngữ khó trong bài thơ *(ẩn hiện, hừng tỉnh, mưa rào)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2. Kiến thức đời sông**

- Cầu vồng với bảy sắc đã tạo nên một ấn tượng đẹp và đi vào kí ức tuổi thơ của mỗi người với những sắc màu rực rỡ, lung linh.

- Hiện tượng cầu vồng là một hiện tượng thiên nhiên đặc biệt, không dễ bắt gặp như mưa, nắng, hay sấm, sét. Cầu vồng xuất hiện khi trời có mưa rào và tạnh một cách bất chợt và sau đó, nắng bừng lên. Cầu vồng có hình vòng cung, gồm 7 màu: đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím. Đây là hiện tượng ánh sáng mặt trời bị khúc xạ bởi những giọt nước, tạo nên những sắc màu lung linh, huyền ảo. Cầu vồng xuất hiện và tan đi rất nhanh, do vậy, người ta không có nhiều cơ hội để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nó. Điều đó cũng tạo nên sức hấp dẫn riêng của hiện tượng thiên nhiên kì thú này.

**3. Phương tiện dạy học**

Tranh minh hoạ về cầu vồng có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh. Mang thêm một số đổ vật mang màu của 7 sắc cầu vồng (quả cam, quả đu đủ, lá cây,...) (nếu có thể).

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1**. Ôn và khởi động.**  **- **Ôn**:** Bài cũ: Loài chim của biển cả  + GV gọi HS đọc bài và trả lời câu hỏi:  a. Hải âu có thể bay xa như thế nào?  b. Ngoài bay xa, hải ấu còn có khả năng gì?  - GV cùng cả lớp nhận xét.  ****- Khởi động****:  + Phần này có thể lựa chọn 2 phương án :  Phương án 1: GV chiếu câu đố lên màn hình (chưa cho HS mở SHS), gọi HS đọc nối tiếp, sau đó yêu cầu HS giải đố. (Cách làm này sẽ giữ “bí mật” được đáp án vì trong SHS đã có sẵn hình cầu vồng).  Phương án 2: HS mở SHS, đọc thầm câu đố, quan sát tranh.  - GV gọi một vài HS đọc nối tiếp, cả lớp giải đố.  + GV có thể đưa thêm các câu hỏi phụ  *- Em đã từng thấy cầu vông chưa?*  *- Cầu vông xuất hiện ở đấu?*  *- Em có cảm nghĩ gì khi thấy cầu vồng?*  - Lưu ý: không hỏi quá sâu vì nó có thể trùng với nội dung bài học).  - Giới thiệu bài thơ. Lưu ý sự đặc biệt của cầu vồng (không bắc qua sông mà bắc trên bầu trời, có màu sắc rất rực rỡ, kì ảo).  **2. Đọc.**  **- GV đọc mẫu toàn bài thơ**.  Chú ý đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ.  - GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có vần mới khó  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới khó trong bài: ươi, ăm, au, am, ưng, inh.....  + GV đưa những từ ngữ này lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu lần lượt từng vần và từ ngữ chứa vần đó, HS đọc theo đồng thanh.  ****- Đọc câu:****  + GV yêu cầu HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1  + GV yêu cầu HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2.  + GV hướng dẫn HS cách đọc, ngắt nghỉ đúng dòng thơ, nhịp thơ.  ****- Đọc từng khổ thơ:****  + GV hướng dẫn HS nhận biết khổ thơ.  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài thơ:  *ẩn hiện:* lúc xuất hiện, lúc biến mất.  *bừng tỉnh:* đột ngột thức dậy.  *mưa rào:* mưa mùa hè, mưa to, mau tạnh.  + GV yêu cầu HS đọc từng khổ thơ theo nhóm.  ****- Đọc cả bài thơ**:**  **3. Tìm trong bài thơ những tiếng có vần *ông, ơi, ưa****.*  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, cùng đọc lại bài thơ và tìm trong bài thơ những tiếng có vần *ông, ơi, ưa.*  - GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả.  - GV và HS nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời. | - 1 HS đọc lại đoạn 1 văn bản bài Loài chim của biển cả. Sau đó trả lời câu hỏi 1.  - 1 HS đọc lại đoạn 1 văn bản bài Loài chim của biển cả. Sau đó trả lời câu hỏi 2.    - HS quan sát các tranh theo nhóm cặp đôi và hỏi nhau theo câu hỏi GV gợi ý  - 2 - 3 HS trả lời cho mỗi câu hỏi, các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đẩy đủ.  - HS lắng nghe và đọc thầm theo GV.  + Đọc từ khó có vần vần mới khó  + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong bài: *tươi thắm, màu chàm, hừng tỉnh......*  + HS luyện đọc theo hướng dẫn: 2 - 3 HS đánh vần, đọc trơn, sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2.  + Một số HS đọc nối tiếp từng khổ thơ, 2 lượt.  + Nghe GV giải nghĩa từ.  + HS đọc từng khổ thơ theo nhóm.  + Một số HS đọc khổ thơ, mỗi HS đọc một khổ thơ. Các bạn nhận xét, đánh giá.  + 1 - 2 HS đọc thành tiếng cả bài thơ.  + Lớp đọc đổng thanh cả bài thơ.  **HS đọc yêu cầu bài.**  + HS trả lời: vần ông - v**ồng** tr**ông**  Vần ơi **-** tr**ời** b**ơi**  Vần ưa**:** m**ưa** |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn: 03/04/2021 Ngày giảng: Thứ 3/06/04/2021

**Tiếng việt**

**CHỦ ĐỀ 6. THIÊN NHIÊN KÌ THÚ**

**BÀI 296: BẢY SẮC CẦU VỒNG**

**TIẾT 2**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một bài thơ; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ; nhận biết một số tiếng cùng vần với nhau, củng cố kiến thức về vẩn; thuộc lòng một khổ thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vẩn và hình ảnh thơ; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2. Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**3. Phát triển phẩm chất và năng lực chung**: yêu quý vẻ đẹp và sự kì thú của thiên nhiên; khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm

vai, thực hành, suy ngẫm.

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**:

**1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm vần, nhịp và nội dung của bài thơ *Bảy sắc cầu vồng-,* nghĩa của các từ ngữ khó trong bài thơ *(ẩn hiện, hừng tỉnh, mưa rào)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2. Kiến thức đời sông**

- Cầu vồng với bảy sắc đã tạo nên một ấn tượng đẹp và đi vào kí ức tuổi thơ của mỗi người với những sắc màu rực rỡ, lung linh.

- Hiện tượng cầu vồng là một hiện tượng thiên nhiên đặc biệt, không dễ bắt gặp như mưa, nắng, hay sấm, sét. Cầu vồng xuất hiện khi trời có mưa rào và tạnh một cách bất chợt và sau đó, nắng bừng lên. Cầu vồng có hình vòng cung, gồm 7 màu: đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím. Đây là hiện tượng ánh sáng mặt trời bị khúc xạ bởi những giọt nước, tạo nên những sắc màu lung linh, huyền ảo. Cầu vồng xuất hiện và tan đi rất nhanh, do vậy, người ta không có nhiều cơ hội để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nó. Điều đó cũng tạo nên sức hấp dẫn riêng của hiện tượng thiên nhiên kì thú này.

**3. Phương tiện dạy học**

Tranh minh hoạ về cầu vồng có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh. Mang thêm một số đổ vật mang màu của 7 sắc cầu vồng (quả cam, quả đu đủ, lá cây,...) (nếu có thể).

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **4. Trả lời câu hỏi.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài thơ và trả lời các câu hỏi.  a. *Cầu vồng thường xuất hiện khi nào?*  b. *Cầu vồng có mấy màu? Đó là những màu nào?*  *c. Câu thơ nào cho thấy cầu vồng thường xuất hiện và tan đi rất nhanh?*  - GV đọc từng câu hỏi và gọi một số HS trình bày câu trả lời. Các bạn nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **5. Học thuộc lòng**.  - GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu bài thơ.  - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng một khổ thơ bất kì bằng cách xoá/ che dần một số từ ngữ trong khổ thơ cho đến khi xoá/ che hết. HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoá/ che dần. Chú ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng khổ thơ đó.  **6. Viết vào vở tên từng màu trong bảy màu của câu vồng**.  - GV yêu cầu HS nhắc lại tên của bảy màu cầu vồng (đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím).  - GV cho HS đổi sản phẩm để xem và nhận xét, góp ý cho nhau.  **7. Củng cố**.  - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.  - GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi.  a. *Cầu vồng thường xuất hiện khi trời “vừa mưa lại nắng” (trời vừa mưa xong lại nắng lên ngay).*  b. *Cầu vồng có bảy màu, là các màu đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím.*  c. *Câu thơ cho thấy cầu vông xuất hiện và tan đi rất nhanh là “Cầu vồng ẩn hiện/ Rồi lại tan mau.”*  - Đại diện một số nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  - Một HS đọc thành tiếng toàn bộ bài thơ.  **HS đọc yêu cầu bài**  - HS viết tên của từng màu ở vở.    Đỏ cam vàng    Lục lam chàm tím  - HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tiếng việt**

**BÀI 297 + 298 + 299 + 300: CHÚA TỂ RỪNG XANH ( 4 tiết )**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Phát triển kĩ năng đọc**: thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một VB thông tin ngắn và đơn giản; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2. Phát triển kĩ năng viết**: thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn văn ngắn.

**3. Phát triển kĩ năng nói và nghe**: thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung**: tình yêu đối với động vật; khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm

vai, thực hành, suy ngẫm.

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**:

**1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm của VB thông tin (không có yếu tố hư cấu, có mục đích chính là cung cấp thông tin) và nội dung của VB *Chúa tể rừng xanh.*

- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB *(chúa tể, vuốt)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2. Kiến thức đời sống**

- GV nắm được những kiến thức thực tế vê' loài hổ. Hổ là loài thú lớn thuộc họ mèo, thường sống ở rừng sâu, bụi rậm, rừng thưa xen lẫn với đồi cỏ tranh. Ban ngày ngủ trong hang đá hay bụi rậm, ban đêm đi săn mồi. Thức ăn là các loài muông thú, trừ voi và trâu rừng. Hổ là loài thú quý hiếm cẩn bảo vệ (theo *Từ điển tranh về các con vật* của Lê Quang Long).

- GV cũng suy nghĩ thêm về vấn đề: Vì sao hổ rất hung dữ nhưng vẫn cần được bảo vệ?

**3. Phương tiện dạy học**

Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh. Có thể sưu tẩm thêm những tranh hay clip về loài hổ.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động.**  ****- Ôn**:** Bài cũ: Bẩy sắc cầu vồng  + GV gọi HS đọc bài và trả lời câu hỏi:  + Câu 1: . *Cầu vồng thường xuất hiện khi nào?*  + Câu 2: Cầu vồng có mấy màu? Đó là màu nào?  - GV cùng cả lớp nhận xét.  ****- Khởi động**:**  + Có thể lựa chọn một trong 2 phương án.  Phương án 1: GV chiếu câu đố lên màn hình (chưa cho HS mở SHS), gọi HS đọc nối tiếp, sau đó yêu cầu HS giải đố. (Cách làm này sẽ giữ “bí mật” được đáp án vì trong SHS đã có sẵn tranh con hổ.)  Phương án 2: HS mở SHS, đọc thẩm câu đố, GV gọi một vài HS đọc nối tiếp, cả lớp giải đố.  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài đọc *Chúa tể*  *rừng xanh.*  + Trước khi đọc văn bản, GV có thể cho HS dựa vào nhan đề và tranh minh hoạ để suy đoán một phần nội dung của văn bản. Chú ý khai thác nghĩa của nhan đề *Chúa tể rừng xanh.*  **2. Đọc**.****  **- GV đọc mẫu toàn VB.**  - Lưu ý nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ sức mạnh của hổ. Âm hưởng chung của toàn bài là mạnh mẽ, thể hiện được uy lực của loài chúa sơn lâm.  - GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có vần mới khó :  + GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới khó trong bài: *uôt, uôi, uyên, ương.......*  + GV đưa những từ ngữ này lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu lần lượt từng vần và từ ngữ chứa vần đó, HS đọc theo đồng thanh.  ****- Đọc câu:****  + GV yêu cầu HS đọc từng câu nối tiếp lần 1.  + GV hướng dẫn HS đọc những cầu dài.: *Hổ là loài thú dữ ăn thịt,/ sống trong rừng./ Lông hổ thường có màu vàng,/pha những vằn đen.*  + GV yêu cầu HS đọc nối tiếp câu lần 2.  ****- Đọc đoạn:****  + GV chia VB thành các đoạn :  đoạn 1: từ đầu đến *khoẻ và hung dữ,* đoạn 2: phần còn lại.  + Đọc nối tiếp đoạn  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài *:*  *chúa tể:* vua, người cai quản một vương quốc.  *vuốt:* móng nhọn, sắc và cong.  + GV yêu cầu HS đọc đoạn theo nhóm.  ****- Đọc toàn VB:****  + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời cấu hỏi. | - 1 HS đọc lại khổ thơ 1 bài thơ Bẩy sắc cầu vồng. Sau đó trả lời câu hỏi 1.  + Cầu vồng thường xuất hiện sau cơn mưa.  + Cầu vồng có bảy màu: đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím.    **+**  Một số (2 - 3) HS trả lời câu đố. Các HS khác có thể bổ sung nếu có câu trả lời khác.  HS nhắc nối tiếp đầu bài và đồng thanh cả lớp.  - HS lắng nghe.  + HS phát âm có từ ngữ khó.  + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong bài: *vuốt, đuôi, di chuyển, thường*  + HS luyện đọc theo hướng dẫn: 2 - 3 HS đánh vần, đọc trơn, sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  **Đọc câu**  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1.  + HS đọc câu dài và đánh dấu ngắt nghỉ theo HD của GV.  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lẩn 2.  **Đọc đoạn**  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt.  + Lắng nghe.  + HS đọc đoạn theo nhóm.  + 1-2 HS đọc thành tiếng toàn VB. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Trả lời câu hỏi**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi .  a. *Hổ ăn gì và sống ở đâu?*  b. *Đuôi hổ như thế nào?*  *c. Hổ có những khả năng gì đặc biệt?)*  - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. GV và HS thống nhất câu trả lời  - Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần).  **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a và b ở mục 3**.  - GV nêu lại câu hỏi: *Hổ ăn gì và sống ở đâu?* *Đuôi hổ như thế nào?*  - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi a và b (có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở  + Trong câu: "*Hổ ăn thịt và sống trong rừng; Đuôi hổ dài và cứng như roi sắt."*  có chữ nào cần viết hoa ?  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.  + GV viết mẫu chữ hoa V ( Viết mẫu cả hai kiểu chữ hoa và chữ in hoa)  + HS nhận xét và đổi vở kiểm tra bài viết của bạn.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi.  a. Hổ ăn thịt và sống trong rừng.  b. Hổ có thể nhảy rất xa, di chuyển nhanh và săn môi rất giỏi.  c. Hổ được xem là chúa tể rừng xanh vì các loài vật trong rừng đều sợ hổ  - Đại diện một số nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  **Hs đọc yêu của bài, 3 HS đọc.**  - HS nhắc lại câu trả lời ở câu hỏi a và b: *Hổ ăn thịt và sống trong rừng; Đuôi hổ dài và cứng như roi sắt.*  + HS nêu: Chữ H và Đ cần viết hoa.    Chữ **H** và chữ **Đ** viết hoa vì nó chữ đầu câu.  + HS theo dõi.  + HS thực hành viết câu vào vở:  **Hổ ăn Όịt sūg và sūg trΪg**  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  **ǟừng**  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  **Đuċ hổ dài và cứng như ǟΡ sắt sắt**  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  + Kiểm tra bài bạn. |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết**  **câu vào vở**.  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất các câu hoàn chỉnh.  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh.**  - GV giới thiệu tranh, hướng dẫn HS quan sát tranh.  - GV có thể đặt câu hỏi để gợi ý.  *+ Tranh vẽ gì?*  *+ Điểm khác nhau giữa hổ và chó?*  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.  - GV và HS nhận xét. | **HS đọc yêu cầu bài**  - HS làm việc theo cặp cùng thảo luận chọn từ ngữ cần điền vào câu. Sau đó đại diện một số nhóm lên trình bày:  *a, Gấu, khỉ, hổ, báo đểu sống trong rừng.*  *b, Trong đêm tối, hổ vẫn có thể nhìn rõ mọi vật.*  - Cá nhân học sinh viết câu vào vở chính tả.  **HS đọc yêu cầu bài**  -  HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi.  - Tranh vẽ hổ và chó;  - Hổ sống trong rừng, còn chó sống trong nhà. |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7. Nghe viết.**  - GV đọc to cả đoạn văn. (Hổ *là loài thú ăn thịt. Bốn chân chắc khoẻ và có vuốt sắc. Đuôi dài và cứng như roi sắt. Hổ rất khoẻ và hung dữ.)*  - GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.  + Viết lùi đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả: *loài, được.*  - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.  - Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ :  *"Hổ là loài thú ăn thịt. Bốn chân/ chắc khoẻ/ và có vuốt sắc. /Đuôi dài/ và cứng như roi sắt./ Hổ rất khoẻ/ và hung dữ."*  - Mỗi cụm từ đọc 2-3 lần.  - GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.  + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lẩn toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  **8. Tim trong hoặc ngoài bài đọc *Chúa tể rừng xanh* từ ngữ có tiếng chứa vần *ât, ác, oai, oay****.*  - GV nêu nhiệm vụ và lưu HS từ ngữ cần t́m có thể có ở trong bài hoặc ngoài bài.  - GV viết những từ ngữ này lên bảng.  **9. Thông tin nào phù hợp với hổ, thông tin nào phù hợp với mèo?**  - GV gọi một vài HS đọc to các từ ngữ trong bảng.  - GV đưa ra câu hỏi theo cặp: *Hổ và mèo, con vật nào sống trong rừng, con vật nào sống trong nhà?*  - Gọi một vài HS trả lời. Làm lần lượt với các cặp tiếp theo.  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV yêu cầu HS làm vào vở.  **10. Củng cố**.  - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.  - GV tiếp nhận ý kiến phản hổi của HS về bài học.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS | - Lắng nghe GV đọc mẫu đoạn văn, 2 HS đọc to thành tiếng đoạn văn cho cả lớp nghe.  \*Nghe GV HD và viết bảng con các từ dễ sai chính tả.  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  **Hổ là loài Όú ăn Όịt. Bốn chân chắc**  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  **chắc khŤϊ và có vuō sắc. Đuċ dài và cứng**  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  **cứng như ǟoi sắt. Hổ ǟất khŤϊ và**  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  **hung dữ.**  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.  **HS đọc yêu cầu bài**  - HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vần *ăt, ăc, oai, oay.*  - HS nêu những từ ngữ tìm được.  - Một số (2 - 3) HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Lớp đọc đổng thanh một số lần.  **HS đọc yêu cầu bài**  - HS làm việc nhóm: quan sát tranh, trao đổi để tìm các thông tin phù hợp với hổ và mèo.  - Hổ sống trong rừng.  - Mèo sống trong nhà.    2. Sống trong nhà  4. nhỏ bé  5. thường bắt chuột  7. leo trèo giỏi  10. dễ thương dễ gần  1.Sống trong rừng  2. to lớn  6. thường săn bắt hươu, nai  8. không giỏi leo trèo  9. hung dữ  - HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 05/04/2021 Ngày giảng: Thứ 4/07/04/2021

**Tiếng việt**

**CHỦ ĐỀ 6. THIÊN NHIÊN KÌ THÚ**

**BÀI 301 + 302 + 303 + 304**

**CUỘC THI TÀI NĂNG RỪNG XANH ( 4 tiết )**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Phát triển kĩ năng đọc**: thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một câu chuyện ngắn và đơn giản, có yếu tố thông tin; đọc đúng các vần *yêt, yêng, oen, oao, oet, uênh, ooc* và các tiếng, từ ngữ có các vần này; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2. Phát triển kĩ năng viết**: thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn; viết một câu sáng tạo ngắn dựa vào gợi ý từ tranh vẽ.

**3. Phát triển kĩ năng nói và nghe**: thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung**: tình yêu đối với thiên nhiên, quý trọng sự kì thú và đa dạng của thế giới tự nhiên; khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm

vai, thực hành, suy ngẫm.

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**:

**1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm của truyện kể có yếu tố thông tin (VB hư cấu, nhưng qua đó người đọc có thêm một số hiểu biết về đặc điểm, tập tính của một số loài động vật hoang dã); nội dung của VB *Cuộc thi tài năng rừng xanh-,* cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện.

- GV nắm được đặc điểm phát âm, cấu tạo các vẩn *yêt, yêng, oen, oao, oet, uênh, ooc,* nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB *(niêm yết, chuếnh choáng, trầm trổ điêu luyện)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2. Kiên thức đời sống**

GV có hiểu biết về thế giới loài vật trong rừng: Rừng là nơi sinh sống của rất nhiều loài vật. Mỗi con vật trong rừng có một đặc tính riêng: voọc xám đu cây, gõ kiến có tài khoét cây, chim công có dáng điệu đi lại trông như múa,...

**3. Phương tiện dạy học**

Tranh minh hoạ (tranh các con vật trong rừng đang thể hiện tài năng, tranh khu rừng

đẹp có cây cối, muông thú, suối nước) có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phẩn mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1**. Ôn và khởi động.****  **- **Ôn**:** Bài cũ : Chúa tể rừng xanh  + GV gọi HS đọc bài và trả lời câu hỏi:  + Hổ là loài thú dữ, vậy nó sống ở đâu?  + Hổ thường săn bắt con gì để ăn?  - GV cùng cả lớp nhận xét.  **- **Khởi động****:  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi. GV có thể cho HS xem một số clip như chim gõ kiến khoét thân cây, khỉ leo trèo.  a. Em biết những con vật nào trong tranh?  b. Mỗi con vật có khả năng gì đặc biệt  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời.  + GV dẫn vào bài đọc *Cuộc thi tài năng rừng xanh.*  - Rừng xanh là nơi tụ hội của rất nhiều con vật. Mỗi con vật có đặc tính và tài năng riêng, rất đặc biệt. Chúng ta sẽ cùng đọc VB *Cuộc thi tài năng rừng xanh* để khám phá tài năng của các con vật).  **2. Đọc**.  - **GV đọc mẫu toàn VB**.  - GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có vần mới khó:  + GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới khó trong bài: *yêt (nỉêm yết), yêng (yểng), oen (nhoẻn), oao (ngoao ngoao), oet (khoét), uênh (chuếnh choáng), ooc (voọc).*  + GV đưa những từ ngữ này lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu lần lượt từng vần và từ ngữ chứa vần đó, HS đọc theo đồng thanh.  ****- Đọc câu:****  + GV yêu cầu HS đọc từng câu nối tiếp lần 1.  - GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ tuy không chứa vần mới nhưng có thể khó đối với HS.  - GV hướng dẫn HS đọc những câu dài.  *Mừng xuân,/ các con vật trong rừng/ tổ chức một cuộc thi tài năng; Đúng như chương trình đã niêm yết,/ cuộc thi mở ầầu/ bằng tiết mục/ của chim yểng. Yểng nhoẻn miệng cười/ rồi bắt chước/ tiếng của một số loài vật./ Chim cồng/ khiển khán giả/ say mê, chuếnh choáng/ vì điệu múa tuyệt đẹp. Voọc xám/ với tiết mục đu cây điêu luyện/ làm tất cả trầm trồ thích thú.)*  + GV yêu cầu HS đọc nối tiếp câu lần 2.  ****- Đọc đoạn:****  + GV chia VB thành các đoạn :  đoạn 1: từ đầu đến *trầm trổ,*  đoạn 2: phần còn lại).  + Yêu cầu HS đọc NT đoạn 2 lượt.  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài:  *niêm yết: ý ở* đây là công bố chương trình cuộc thi để mọi người biết. *chuếnh choáng: ý* chỉ cảm giác không còn tỉnh táo giống như khi say của khán giả trước điệu múa tuyệt đẹp của chim công;  *trầm trồ:* thốt ra lời khen ngợi với vẻ ngạc nhiên thán phục.  *điêu luyện:* đạt đến trình độ cao do trau dồi, luyện tập nhiều.  + GV yêu cầu HS đọc đoạn theo nhóm.  **+ Thi đọc nhóm.**  ****- Đọc toàn VB:****  **+ 2 Học sinh đọc toàn VB.**  **+ GV đọc lại và chốt chuyển…..** | - HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học.  +Thường săn bắt hươu, nai  + Sống trong rừng  + Một số (2 - 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.  a. *Trong tranh có yểng, mèo rừng, chim công, gõ kiến, khỉ.*  b. *Mỗi con vật có một động tác thể hiện tài năng của mình,* VD: *chim công múa, voọc xám đu cây, gõ kiến khoét thân cây,...*  + HS theo dõi.          + HS nhắc lại đồng thanh tên bài.  - Nghe GV đọc mẫu bài theo dõi đọc thầm bài.  + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong VB: *yêt (nỉêm yết), yêng (yểng), oen (nhoẻn), oao (ngoao ngoao), oet (khoét), uênh (chuếnh choáng), ooc (voọc).*  + Một số (2 - 3) HS đánh vần, đọc trơn, sau đó cả lớp đọc đổng thanh một số lẩn.  **Đọc câu**  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1.  + Đọc từ ngữ khó hay lỗi dùng từ địa phương: *cuộc thi, con vật, say mê,…..*  + Đọc câu dài. Cá nhân, cả lớp đồng thanh.  + Một số HS đọc nối tiếp từng cầu lần 2.  **Đọc đoạn**  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt.  + Lắng nghe.  + HS đọc đoạn theo nhóm.  + Thi đọc nhóm.  + 1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB.  + Nghe. |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Trả lời câu hỏi.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.  a. *Cuộc thi có những con vật nào tham gia?*  *b. Mỗi con vật biểu diễn tiết mục gì?*  c. *Em thích nhất tiết mục nào trong cuộc thi?*  - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần).  **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a và c ở mục 3.**  - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi a và c (có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở  a. *Cuộc thi có sự tham gia của yểng, mèo rừng, chim gõ kiến, chim công, voọc xám.*  c. Câu trả lời mở, GV hướng dẫn HS chọn tiết mục mình yêu thích để viết vào vở).  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.  + GV viết mẫu chữ hoa V ( Viết mẫu cả hai kiểu chữ hoa và chữ in hoa)  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi.  a. *Cuộc thi có sự tham gia của yểng, mèo rừng, chim gõ kiến, chim công, voọc xám;*  b. *Yểng nhoẻn miệng cười rồi bắt chước tiếng của một số loài vật; mèo rừng ca ‘ ngoáo ngoáo”; gõ kiến khoét được cái tổ xỉnh xắn; chim công múa; voọc xám đu cây,*  c. Câu trả lời mở, GV hướng dẫn HS chọn tiết mục mình yêu thích để trả lời).      **HS đọc yêu cầu của bài.**  + Nghe lại câu hỏi.  **a. Cuộc thi có sự Όam gia của ΐểng, mèo ǟừng, chim gõ kiến, chim cŪg, vǭ xám.**  **b**. **Em thích nhất tiết mục múa của chim công.**  + Nghe GV phân tích và nhắc lại quy tắc viết.  + Quan sát chữ mẫu hoa.  + HS thực hành viết câu vào vở |

**Tiết 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở.**  nhảy nhót gây gổ hát  tốt bụng chăm chỉ  a. Cô bé (…….) miệng cười khi thấy anh đi học về;  b. Nhà trường (………..) chương trình văn nghệ trên bảng tin.  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả.  - GV và HS thống nhất các câu hoàn chỉnh:  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**.****  - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.  - HS và GV nhận xét | **HS đọc yêu cầu bài.**  + HS đọc các từ trong khung.  + Đọc câu chưa hoàn thiện.  - HS làm việc theo cặp cùng thảo luận chọn từ ngữ cần điền vào câu.  + Đại diện một số nhóm lên trình bày:  - Cá nhân học sinh viết câu vào vở chính tả.  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ   1. **Cô bé nhφẻn miệng cưƟ khi Όấy anh đi học ωề**   ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  **b. Nhà Λường niêm ΐết chưΩg Λình văn nghệ Λên bảng Ι΅n.**  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  **HS đọc yêu cầu bài.**  Cây cối suối muông thú rừng    + Một số nhóm trình bày kết quả học tập của nhóm mình.  + Nhận xét nhóm bạn. |

**Tiết 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7. Nghe viết**  - GV đọc to cả đoạn văn.  *Yểng nhoẻn miệng cười rồi bắt chước tiếng một số loài vật. Gõ kiến trong nháy mắt đã khoét được cái tổ xinh xắn. Còn chim công có điệu múa tuyệt đẹp.*  - GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.  + Viết lùi đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả: các từ ngữ chứa vần mới như: *yểng, ngoao ngoao, khoét-,*các từ ngữ chứa các hiện tượng chính tả như r/ d/ gi *(mèo rừng),* ch/ tr *(leo trèo).*  - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.  Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết. Những câu dài cần đọc theo từng cụm từ *(Yểng nhoẻn miệng cười/ rồi bắt chước/ tiếng một sô loài vật./ Gõ kiến/ trong nháy mắt/ đã khoét được cái tổ xinh xắn. Còn chim cống/ có điệu múa/ tuyệt đẹp.*  - Mỗi cụm từ đọc 2-3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS  + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  **8. Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông.**  yêng hay iêng  conbay l t  gọi  yêt hay iêt  niêm tmục hiểu b  et hay oet  rmướtlòe lxoen x  - GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cẩu.  - GV nêu nhiệm vụ. HS làm việc nhóm đôi để tìm những vần phù hợp.  **9. Đặt tên cho bức tranh và nói lí do em đặt tên đó**  - GV nêu yêu cầu của bài tập, cho HS thảo luận nhóm, trao đổi về bức tranh.  - Mỗi nhóm thống nhất tên gọi cho bức tranh và lí do đặt tên.  - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả trước lớp.  **10. Củng cố**  - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.  - GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học. | - 2 HS đọc đoạn viết  + Lắng nghe các chú ý khi viết bài.  ***Yểng nhφẻn miệng cưƟ ǟồi bắt chưϐ tiếng mŎ số lφài vật. Gõ kiến Λong nháy mắt đã khφét đưϑ cái tổ xinh xắn. CŜ chim cŪg có điệu múa Ǉuyệt đẹp.***  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.  **HS đọc yêu cầu của bài.**  - Đọc các từ chưa hoàn thiện.  - HS làm việc nhóm đôi.  - Một số (2 - 3) HS lên trình bày kết quả trước lớp (có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng).  - Một số HS đọc to các từ ngữ. Sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  con **yểng** bay l**iệng**  t**iếng** gọi  niêm **iết**  t**iết** mục hiểu b**iết**  r**ét** mướt lòe l**oẹt** xoen x**oét**  **HS đọc yêu cầu bài.**    - HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn: 06/04/2021 Ngày giảng: Thứ 5/08/04/2021

**Tiếng việt**

**CHỦ ĐỀ 6. THIÊN NHIÊN KÌ THÚ**

**BÀI 305 + 306 + 307**

**CÂY LIỄU DẺO DAI – Tiết 1, 2, 3.**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Phát triển kĩ năng đọc**: thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một VB thông tin được viết dưới hình thức hội thoại; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2. Phát triển kĩ năng viết**: thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một ðoạn ngắn.

**3. Phát triển kĩ năng nói và nghe**: thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**4*.* Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** tình yêu đối với cây cối và thiên nhiên nói chung; khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm

vai, thực hành, suy ngẫm.

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**:

**1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm VB thông tin (không có yếu tố hư cấu, mục đích chính là cung cấp thông tin) và nội dung của VB *Cây liễu dẻo dai.* Lưu ý, VB này được viết dưới dạng một đoạn hội thoại giữa Nam và mẹ, nên nó không thuần tuý là một VB thông tin thông thường.

- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB *(dẻo dai, lắc lư, mềm mại)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2. Kiến thức đời sống**

- GV có kiến thức thực tế về cây cối, thiên nhiên; hiểu đặc điểm của một số loài cây.

**3. Phương tiện dạy học**

- Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| ****1. Ôn và khởi động****  **- **Ôn:**** Cuộc thi tài năng rừng xanh  + GV gọi HS đọc bài và trả lời câu hỏi:  **C1**. Trong bài cuộc thi tài năng rừng xanh chim yểng tham gia thi tiết mục gì?  **C2.** Chọn vần phù hợp để hoàn thành từ sau: con …….; bay l……..; t……gọi  - GV cùng cả lớp nhận xét.  ****- Khởi động****:  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để nói về điểm khác nhau giữa hai cây trong tranh.  **C3.** Quan sát tranh SHS: Hãy nêu đặc điểm cây bàng  **C4**. Quan sát trah SHS: Nêu đặc điểmcủa cây liễu.  **C5.** Nói về điểm khác nhau của hai cây bàng và liễu?  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời.  Một cây thân cao, cành vươn rộng ra, trông rõ thân, cành: cây bàng. Một cây thân cành bị lá phủ kín; lá dài và rũ xuống: cây liễu), sau đó dẫn vào bài đọc *Cây liễu dẻo dai.*  *(VD: Mỗi loài cây đều có vẻ đẹp riêng, đặc tính riêng. Để thể hiện sự vững mạnh , sự kiên cường, bất khuất, sự đoàn kết của người dân Việt Nam, người ta nói đến câu tre, lũy tre, ...Để thể hiện sự mềm mại, có vẻ yếu ớt người ta nói đến cành liễu. Vậy cành liễu có phải là loài cây yếu ớt, mong manh, dễ gẫy không?).*  **2. Đọc.**  - **GV đọc mẫu toàn VB.**  - GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có thể đối với HS. *( nổi gió, lắc lư, lo lắng.....)*  + GV đưa những từ ngữ này lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu lần lượt từng vần và từ ngữ chứa vần đó, HS đọc theo đồng thanh.  ****- Đọc câu:****  + GV yêu cầu HS đọc từng câu nối tiếp lần 1.  + GV hướng dẫn HS đọc những câu dài.: (VD: *Thân cây liễu/ tuy không to/nhưng dẻo dai//) .*  + GV yêu cầu HS đọc nối tiếp câu lần 2.  **- **Đọc đoạn:****  + GV chia VB thành các đoạn  đoạn 1: từ đầu đến bị gió làm cành gẫy không ạ ?  đoạn 2: phần còn lại.  + Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp 2 lượt  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài:  *dẻo dai:* có khả năng chịu đựng trong khoảng thời gian dài.  *lắc lư:* nghiêng bên nọ, nghiêng bên kia.  *Mềm mại:* mềm và gợi cảm giác dẻo dai.  - **Đọc nhóm**  + GV yêu cầu HS đọc đoạn theo nhóm.  + Thi đọc trong nhóm. Nhận xét nhóm bạn cùng GV.  ****- Đọc toàn VB:****  + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời cầu hỏi | - HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học.  + Yểng bắt chước tiếng các loài vật  + yêng hay iêng  + Một số (2 - 3) HS nêu ý kiến. Các HS khác có thể bổ sung nếu ý kiến của các bạn chưa đầy đủ hoặc có ý kiến khác.  + Cây cao, cành vươn rộng, nhìn rõ thân-cành-lá cây  + Cây thân cành lá rủ kín, lá dài rũ xuống  + Cây bàng cao cành vươn rộng nhìn rõ thân, cây liễu thân phủ kín lá dãi rũ suống    + HS nhắc nt đầu bài, cả lớp đồng thanh.  - HS lắng nghe GV đọc mẫu bài.  + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong bài: *( nổi gió, lắc lư, lo lắng.....)*  + HS luyện đọc theo hướng dẫn: 2 - 3 HS đánh vần, đọc trơn, sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  **Đọc câu**  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1.  + Nghe đánh dấu ngắt nghỉ và đọc câu dài. **Cá nhân – cả lớp đồng thanh**.  + Một số HS đọc nối tiếp từng cầu lần 2.  **Đọc đoạn**  + Lắng nghe và đánh dấu đoạn.  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt  + HS nghe GV giải nghĩa từ.  **Đọc nhóm**  + HS đọc đoạn theo nhóm.  + Thi đọc nhóm, nhận xét các nhóm.  + 1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB.. |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| ****3. Trả lời câu hỏi**.**  **Cho HS đọc lại toàn VB.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 3 để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.  a. *Thân cây liễu có đặc điểm gì?*  b. *Cành liễu có đặc điểm gì?*  c. *Vì sao nói liễu là loài cây dễ trồng?*  - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời  - Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ cấu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần).  **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a và b ở mục 3**  - GV nêu lại câu hỏi: *Thân cây liễu có đặc điểm gì?* *Cành liễu có đặc điểm gì?*  - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi a và b (có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở  - GV lưu ý HS viết hoa ở đầu câu; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.  + GV viết mẫu chữ hoa V ( Viết mẫu cả hai kiểu chữ hoa và chữ in hoa)  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | **Đọc thầm**  - HS làm việc nhóm 3(có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi.  a. Thân cây liễu không to nhưng dẻo dai; b. Cành liễu mềm mại, có thể chuyển động theo chiều gió;  c. Liễu là loài cây dễ trồng vì chỉ cần cắm cành xuống đất, nó có thể mọc lên cây non  - Đại diện một số nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  **HS đọc yêu cầu bài.**  + Lắng nghe GV nhắc lại câu hỏi.  - HS nhắc lại câu trả lời ở câu hỏi a và b:  *Thân cây liễu không to nhưng dẻo dai; Cành liễu mềm mại, có thể chuyển động theo chiều gió*  - HS viết câu trả lời vào vở **(Thân cây liễu khŪg Ǉo nhưng dẻo dai;**  **Cành liễu mềm mại, có Όể chuyển động Όeo chiều gió)***.*  + HS theo dõi. |

**Tiết 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5**. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**  **dẻo dai mềm mại lắc lư**  **xanh tốt dễ gãy**  a. Cành liễu rủ lá trông (…….) như một mái tóc;  b. Tập thể dục hằng ngày giúp cho cơ thể (……….)  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất các câu hoàn chỉnh,  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**  học sinh cây xanh mát nắng    - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.  - Yêu cầu HS nhận xét các nhóm. | **HS đọc yêu cầu của bài.**  HS đọc các từ ngữ cho sẵn có trong khung, và đọc lại câu cần hoàn thiện.  - HS làm việc theo cặp cùng thảo luận chọn từ ngữ cần điền vào câu. Sau đó đại diện một số nhóm lên trình bày:  **a. Cành liễu ǟủ lá Λông mềm mại như mŎ mái tŉ;**  **b. Tập Όể dục hằng ngày giúp cho cơ Όể dẻo dai.**  - Cá nhân học sinh viết câu vào vở chính tả.  **HS đọc yêu cầu bài.**  - HS quan sát tranh và đọc các từ và tiếng cho sẵn trong khung.  - HS làm việc theo nhóm, quan sát trao đổi thảo luận nói theo tranh.  - Một số nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm và nói theo tranh.  - HS và GV nhận xét. |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 07/04/2021 Ngày giảng: Thứ 6/09/04/2021

**Tiếng việt**

**CHỦ ĐỀ 6. THIÊN NHIÊN KÌ THÚ**

**BÀI 308: CÂY LIỄU DẺO DAI ( tiết 4 )**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Phát triển kĩ năng đọc**: thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một VB thông tin được viết dưới hình thức hội thoại; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2. Phát triển kĩ năng viết**: thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một ðoạn ngắn.

**3. Phát triển kĩ năng nói và nghe**: thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**4*.* Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** tình yêu đối với cây cối và thiên nhiên nói chung; khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm

vai, thực hành, suy ngẫm.

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**:

**1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm VB thông tin (không có yếu tố hư cấu, mục đích chính là cung cấp thông tin) và nội dung của VB *Cây liễu dẻo dai.* Lưu ý, VB này được viết dưới dạng một đoạn hội thoại giữa Nam và mẹ, nên nó không thuần tuý là một VB thông tin thông thường.

- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB *(dẻo dai, lắc lư, mềm mại)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2. Kiến thức đời sống**

- GV có kiến thức thực tế về cây cối, thiên nhiên; hiểu đặc điểm của một số loài cây.

**3. Phương tiện dạy học**

- Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7. Nghe viết.**  - GV đọc to cả đoạn văn:  *Thân cây liễu không to nhưng dẻo dai. Cành liễu mềm mại, có thể chuyển động theo chiều gió. Vì vậy, cây không dễ bị gãy.*  - GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.  + Viết lùi đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả: *dẻo dai, chiều, gió, dễ, trồng,...*  - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.  - Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết. Những câu dài cẩn đọc theo từng cụm từ *(Thân cây liễu không to/ nhưng dẻo dai./ Cành liễu mềm mại,/ có thể chuyển động/ theo chiều gió./ Vì vậy,/ cây không dễ bị gãy.).* Mỗi cụm từ đọc 2-3 lần.  - GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.  + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  **8. Chọn chữ phù hợp thay cho bông hoa**  a. tr hay ch ?  ồi non đũa e ồng trọt  b. r hay d ?  ễ cây ễ dàng mềmẻo  - GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.  - GV nêu nhiệm vụ. HS làm việc nhóm đôi để tìm những chữ phù hợp.  **9.Trò chơi *Đoán nhanh đoán đúng: Đoản* tên các loài cây**  - Mục tiêu: Rèn kĩ năng quan sát, phản xạ, kĩ năng nói, phát triển tư duy,...  - Chuẩn bị: GV chuẩn bị một số câu miêu tả đặc điểm của một số cây cối quen thuộc.(viết câu miêu tả vào các bông hoa - khoảng 5-6 câu)  VD: *Cây gì tên có vần ương/ Gọi học trò nhớ vang trường tiếng ve?* (tranh *hoa phượng)*  *Cây gì tên có vần ang/ Hè xanh, thu đỏ, đông sang trơ cành./ Tán xoà như chiếc ô xinh./ Sân trường rợp bóng chúng mình vui chơi?* (tranh *tán bàng).* - GV linh hoạt tuỳ từng vùng miền có thể chủ động giới thiệu các loài cây khác.  - Cách chơi: GV chia lớp thành một số nhóm. Sau khi GV chiếu câu miêu tả, một HS đọc, đội nào có tín hiệu trả lời nhanh thì được quyền trả lời. Nếu trả lời sai thì bị mất lượt trả lời tiếp, đội khác trả lời. Mỗi câu trả lời đúng thì được gắn một bông hoa. Đội nào trả lời đúng nhiều thì được nhiều hoa.  - Ý nghĩa của trò chơi: HS yêu thích thiên nhiên, cây cối; có ý thức bảo vệ và chăm sóc cây cối.  **10. Củng cố**  - GV yêu cẩu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV chốt lại những nội dung chính.  - GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.  - GV giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc một cuốn sách hoặc bài viết về thiên nhiên để chuẩn bị cho bài học sau.  - GV cũng cần chủ động chuẩn bị một số cuốn sách và bài viết về thiên nhiên để cung cấp thêm nguồn tài liệu đọc mở | + HS nghe GV đọc đoạn văn  **Thân cây liễu không Ǉo nhưng**  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  **dẻo dai. Cành liễu mềm mại, có Όể**  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  **chuyển động Όeo chiều gió. Vì vậy**  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ  **cây không dễ bị gãy**  ǯǯǯǯǯǯǯǯǯǯ    + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.  + Kiểm tra và soát lỗi chính tả.  **HS đọc yêu cầu của bài.**  - Một số (2 - 3) HS lên trình bày kết quả trước lớp (có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng).  - Một số HS đọc to các từ ngữ. Sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  *a. tr hay ch ?*  **ch**ồi non đũa **tr**e **tr**ồng trọt  *b. r hay d ?*  **r**ễ cây **d**ễ dàng mềm **d**ẻo        phượng bàng xoan    xoài nhãn mận  - HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tiếng việt**

**BÀI 309 + 310: ÔN TẬP – ÔN LINH HOẠT**

**I. MỤC TIÊU**

Giúp HS :

Củng cố và nâng cao một số kiến thức, kĩ năng đã học trong bài *Thiên nhiên kì thú* thông qua thực hành nhận biết và đọc những tiếng có vần khó vừa được học ôn và mở rộng vốn từ ngữ dùng để nói về thiên nhiên, thực hành đọc mở rộng một văn bản hay quan sát tranh về thiên nhiên, nói cảm nghĩ về văn bản hoặc tranh; thực hình nói và viết sáng tạo về mặt chủ điểm cho trước ( thiên nhiên ).

- Bước đầu có khả năng khái quát hoả những gì đã học thông qua một số nội dung được kết nối từ các văn bản đã được học trong bài

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm.

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**:

Phương tiện dạy học Tranh ảnh, video clip về thiên nhiên, hoặc thiết bị máy chiếu để trình chiếu hình thay cho tranh in. Có thể dùng thiết bị máy chiếu để trình chiếu các vần HS cần luyện đọc.

- Một số văn bản ( văn bản thông tin, truyện, thơ ) và tranh ảnh về thiên nhiên (có thể lấy từ tủ sách của lớp) để HS có thể đọc, xem ngay tại lớp.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**TIẾT 1.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Tìm từ ngữ có tiếng chứa vần ooc, yêt, yêng, oen, oao, oet, uênh** | |
| - GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cắn tìm có thể đã học hoặc chưa học.  - GV nên chia các vần này thành 2 nhóm ( để tránh việc HS phải ăn một lần nhiều vần và HS thực hiện nhiệm vụ theo từng nhóm vần.  Nhóm vần thứ nhất: các vần ooc, yêt, yêng .    Nhóm vần thứ hai: các vần oen, oao, oet, uênh. | HS thực hiện nhiệm vụ theo từng nhóm vần .    Nhóm vần thứ nhất :  + HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc từ ngữ Có tiếng chứa các vần ooc, yêt, yêng.  + HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.  + Một số ( 2 – 3 ) HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ dọc một số từ ngữ. Cả lớp đọc đồng thanh một số lần  Nhóm vần thứ hai:  + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa các văn oen, oao, oet, uênh.  + HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.  + Một số ( 2 - 3 ) HS đánh vần, đọc trơn trước lớp: mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Cả lớp đọc đồng thanh một số lần. |
| **2. Xác định những bài đọc viết về con vật, viết về cây cối hoặc viết về những sự vật khác trong chủ điểm Thiên nhiên kì thú.** | |
| - Chọn bài đọc thích nhất và nếu lí do lựa chọn. Đây là bài tập giúp HS nhớ lại và kết nối một số nội dung các em đã học. Qua đó, HS cũng có ý niệm về sự phân loại thế giới sinh vật, gồm con vật ( động vật ), cây cối ( thực vật ); và phân biệt sinh vật với những gì không thuộc sinh vật, VD: cầu vồng. GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi.  - GV có thể làm mẫu một trường hợp nếu thấy cần thiết, chẳng hạn, văn bản nói về con vật như Loài chim của biển cả ( chim hải âu).  - GV và HS thống nhất câu trả lời đúng cho câu hỏi đầu: Chúa tể rừng xanh ( con vật ), Cuộc thi tài năng của rừng xanh ( con vật ), Cây liệt dẻo da ( cây cối ), Cầu vồng ( không phải con vật cũng không phải cây cối )  + Riêng câu hỏi 4 ( Em thích bài đọc nào nhất ? Vì sao ?). GV cần tôn trọng sự lựa chọn đa dạng của HS miễn là lí do lựa chọn được các em trình bầy thuyết phục ở mức độ nhất định. Chú ý khuyến khích các em có những lí giải độc đáo, khác biệt. | - Một số HS trình bày kết quả trước lớp. Một số HS khác nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời đúng cho câu hỏi đầu |
| **3. Chọn từ ngữ chỉ thiên nhiên** | |
| GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ.  GV có thể gợi ý: Trong các từ ngữ đã cho, từ ngữ nào chỉ những sự vật, hiện tượng không do con người làm thu, tự nhiên mà có, VD: sông. | HS làm việc nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ  Một số ( 2-3 ) HS trình bày kết quả trước lớp. GV và HS thống nhất phương án lựa chọn đúng.  Những từ ngữ chỉ thiên nhiên: sông, mưa, nắng gió, rừng, biển.  Những từ ngữ khác chỉ sản phẩm do con người làm ra, không phải từ ngữ chi thiên nhiên: Xe cộ, nhà cửa, trường học  Những từ ngữ chỉ thiên nhiên khác,  HS có thể nêu: bão, lụt, mặt trăng, mặt trời, núi đồi, trái đất, ... |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **4. Viết vào vở 1-2 câu về thiên nhiên** | |
| - GV gắn lên bảng hay trình chiếu một số tranh ảnh về thiên nhiên, yêu cầu HS quan sát.  - GV nêu một số câu hỏi gợi ý và yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, trao đổi về những gì các em quan sát được. Nếu có điều kiện, có thể thay tranh ảnh bằng video clip.  GV nhắc lại những ý tưởng tốt, điều chỉnh những mô tả sai lệch và có thể bổ sung những mô tả khác mà HS chưa nghĩ đến hay chưa nêu ra. | HS quan sát .  HS làm việc nhóm đôi, trao đổi về những gì các em quan sát được  Một số ( 2 - 3 ) HS trình bày trước lớp, mô tả thiên nhiên mà các em quan sát được. Một số HS khác nhận xét , đánh giá  Từng HS tự viết vào vở 1 - 2 câu về thiên nhiên theo kết quả quan sát riêng của mình. Nội dung viết có thể dựa vào những gì mà các em đã trao đổi trong nhóm đôi, kết hợp với nội dung mà GV và một số bạn đã trình bày trước lớp |
| **5. Đọc mở rộng** | |
| Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc cuốn sách hoặc một bài viết về thiên nhiên. GV có thể chuẩn bị một số cuốn sách hoặc bài viết phù hợp ( có thể lấy từ tủ sách của lớp và cho HS đọc ngay tại lớp. Các em nói về một số điều các em đã đọc, GV có thể nêu một số câu hỏi gợi ý cho HS trao đổi :  Nhờ đâu em có được cuốn sách ( bài viết ) này ?  Cuốn sách ( bài viết ) này viết về cái gì ?  Có điều gì thú vị hay đáng chú ý trong cuốn sách ( bài viết ) này ? ..  - GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS chia sẻ được những ý tưởng thú vị. Nói rõ các ưu điểm để HS cùng học hỏi. | HS tìm đọc cuốn sách hoặc một bài viết về thiên nhiên  HS làm việc nhóm đôi hoặc nhóm 4  - Một số ( 3 – 4 ) HS nói về một số điều các em đã đọc được trước lớp. Một số HS khác nhận xét, đánh giá. |
| **6. Củng cố** | |
| GV tóm tắt lại nội dung chính; nhận xét, khen ngợi, động viên HS. |  |

**Ôn linh hoạt**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Bài 1 . CHIM BIỂN CẢ** | |
| Chọn từ ngữ để hoàn thiện cấu và viết cấu vào vở GV trình chiếu các câu chưa hoàn thiện ( có nhiều chỗ trống ).  - Con cá cần ( ... ) để bơi.  - Con chim cần ( ... ) để bay.  - Con hổ cần ( ... ) để ở  - Con ong cần ( .. ) để làm mật.  - Một số HS lựa chọn các từ ngữ gợi ý ( nước, bầu trời, rừng, hoa ) phù hợp với từng chỗ trống để hoàn thiện các câu đã cho  GV trình chiếu các câu hoàn thiện.  Một số HS đọc thành tiếng những câu này . | HS lựa chọn các từ ngữ gợi ý ( nước, bầu trời, rừng, hoa ) phù hợp với từng chỗ trống để hoàn thiện các câu đã cho  HS viết vào vở các câu hoàn thiện. |
| **Bài 2. BẢY SẮC CẦU VỒNG** | |
| Sắp xếp các từ ngữ thành cầu và viết vào vở GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu:  - vì sao, hàng ngàn lấp lánh, trên bầu trời  - GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi để sắp xếp các từ ngữ thành câu.  - Một số ( 2 - 3 ) HS lên trình bày kết quả.  GV và HS thống nhất phương án đúng. (Hàng ngàn vì sao lấp lánh trên bầu trời hoặc Trên bầu trời , hàng ngàn vì sao lấp lánh) | HS làm việc nhóm đôi để sắp xếp các từ ngữ thành câu  - HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng. |
| **Bài 3. CHÚA TỂ RỪNG XANH** | |
| Đọc đoạn văn, kết hợp từ ngữ ở A và B cho phù hợp GV trình chiều đoạn văn và cho một số ( 2 - 3 ) HS đọc thảnh tiếng đoạn văn: Mèo và hổ có nhiều điểm giống nhau . Hình dáng theo giống hình dáng một con hổ nhỏ. Mèo có tai thinh và mắt tinh như hổ. Hổ giỏi chạy nhảy và tinh vồ mồi, mèo cũng vậy. Hổ to khoẻ hơn mèo nhưng lại thua mèo ở khả năng leo trèo.  - GV trình chiếu bảng ( không có vết nối ):  A B  Hình dáng mèo có nhiều điểm giống nhau .  Mèo và bổ giống hình dạng một con hổ nhỏ.  Tai mèo rất tinh.  Hổ thua mèo rất thính.  Mắt mèo khả năng leo trèo . Một số ( 2 - 3 ) HS trình bày kết quả. GV và HS thống nhất các kết nối đúng, tạo thành những câu trọn vẹn. ( Hình dáng mèo giống hình dáng một con hổ nhỏ: Mèo và hổ có nhiều điểm giống nhau; Tai mèo rất thính ; Hổ thua mèo ở khả năng leo trèo: Mắt mèo rất tinh.).  HS đối chiếu với kết quả làm bài của mình để tự đánh giá. | - HS làm việc nhóm đôi, trao đổi để lựa chọn từ ngữ ở A kết nối với từ ngữ ở B cho phù hợp. Sau đó, mỗi HS thực hiện việc nối các từ ngữ ở A và B trong vở. |
| **Bài 4. CUỘC THI TÀI NĂNG RỪNG XANH** | |
| Sắp xếp các từ ngữ thành cầu và viết vào vở GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu:  + kì thú, có, rừng xanh, nhiều điều  + bảo vệ, cần, động vật, chúng ta, hoang dã  - GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi. | HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu  Một số ( 2 – 3 ) nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng.  ( Rừng xanh có nhiều điều kì thú . / Chúng ta cần bảo vệ động vật hoang dã. )  - HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng |
| **Bài 5. CÂY LIỀU DẺO DAI** | |
| Viết một câu nói về đặc điểm của một loài cây mà em biết  - Đây là bài tập viết câu sáng tạo , GV cần chú ý có sự hỗ trợ phù hợp để giúp HS làm được bài tập này. GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi để tìm ý tưởng, GV có thể nêu câu hỏi gợi ý:  Có loài cây nào khiến em chú ý không?  Em thấy nó ở đâu ? ( Chẳng hạn: ở vườn nhà em, trên đường đi học, trong sân trường, trên phim ảnh, trên Internet, ... ) Loài cây đó có gì đáng chú ý ? ...  GV có thể gợi ý thêm về đặc điểm của một số loài cây. ( Chẳng hạn : Cây phượng có hoa đỏ rực, Cây bàng có tán lá xoè ra rất rộng Cây tre có thân vươn cao, Cây hoa hồng có nhiều gai nhọn, ... ) | Một số ( 2 - 3 ) HS trình bày kết quả ,  - HS viết vào vở các câu sáng tạo dựa vào kết quả làm việc nhóm hoặc có thể tham khảo ý kiến của các HS khác đã trình bày trước lớp hay của GV |